

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2025/DS-PT

Ngày: 15-9-2025

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

- Bà Phạm Thị Hồng Vân;
- Bà Dương Thuý Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 264/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12), tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 566/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Đặng Kim C, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T (N là xã H), tỉnh Tây Ninh; có mặt.
- Ông Lê Văn H, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T (N là xã H), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1979. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T (N là xã H), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 2008. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

5. Cháu Nguyễn Văn M1, sinh năm 2013. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu M, cháu M1: ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1979. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – là cha ruột của cháu M, cháu M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Đặng Kim C trình bày:

Vợ chồng bà C, ông H có cho bà Nguyễn Thị Tuyết N (vợ của ông C1) vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 15-10-2016 (âm lịch) cho vay 50.000.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 16-10-2016 (âm lịch) cho vay 10.000.000 đồng.
- Lần 3: Ngày 23-10-2017 (âm lịch) cho vay 40.000.000 đồng.
- Lần 4: Ngày 09-12-2018 (âm lịch) cho vay 40.000.000 đồng.

Tổng cộng 4 lần là 140.000.000 đồng đều làm giấy nợ, do bà N viết và ký tên, ghi họ tên. Mục đích bà N vay tiền để trang trải kinh tế gia đình; thỏa thuận tiền lãi trả theo quy định pháp luật và khi nào bà C cần thì bà N trả lại tiền.

Đến tháng 6/2021 bà N chết, bà C đến nhà đòi nợ nhiều lần nhưng ông C1 hứa bán đất trả nợ nhưng không trả.

Nay vợ chồng bà C, ông H khởi kiện yêu cầu buộc ông C1, bà Đ1, ông Đ và cháu M, cháu M1 là những người thừa kế của bà N, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà C số tiền 140.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm tính từ ngày 09-12-2018 (âm lịch) đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Ngày 15-5-2025 bà C, ông H có đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu: buộc ông C1 có trách nhiệm trả cho bà C, ông H số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi và buộc ông C1, bà Đ1, ông Đ, cháu M và cháu M1 là những người thừa kế của bà N, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, có trách nhiệm trả cho bà C, ông H số tiền nợ gốc 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn C1 trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2024:

Ông C1 và bà N kết hôn năm 2007. Bà N chết năm 2021. Khi còn sống, bà N và bà C, ông H có quan hệ làm ăn, mượn tiền qua lại nhưng ông C1 không rõ.

Ông không nhận tiền theo các giấy nhận nợ nêu trên. Bà C, ông H cho bà N mượn tiền không nói với ông C1. Do đó, ông C1 không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà C, ông H.

Đại diện hợp pháp của bị đơn cháu M, cháu M1 – ông Nguyễn Văn C1 trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2024: Không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cháu M, cháu M1 không có nhận tiền.

Bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Đ1: Đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia đối chất, triệu tập để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 19-6-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12), tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim C, ông Lê Văn H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Buộc ông Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ phải trả cho bà Đặng Kim C, ông Lê Văn H số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Lê Văn Đ, cháu Nguyễn Thị Tuyết M và cháu Nguyễn Văn M1 có nghĩa vụ phải trả cho bà Đặng Kim C, ông Lê Văn H số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng trong phạm vi di sản do bà N để lại.

Ghi nhận bà C, ông H không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 03-7-2025, bị đơn ông Nguyễn Văn C1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông C1 trả cho bà C, ông H số tiền 70.000.000 đồng và tính lại số tiền mà các đồng thừa kế của bà N phải trả cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; không buộc ông C1 trả cho bà C, ông H số tiền 70.000.000 đồng và tính lại số tiền mà các đồng thừa kế của bà N phải trả cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nguyên đơn bà C, ông H trình bày: có cho bà N vay tiền nhiều lần tổng cộng là 140.000.000 đồng; khi vay bà N có viết giấy nhận nợ.

Theo kết luận giám định số 06/KL-KTHS ngày 12-02-2025 của Phòng K Công an tỉnh Tây Ninh kết luận chữ ký “Nhưng” và chữ viết “Nguyễn Thị Tuyết N” trong 04 giấy mượn tiền do bà C, ông H cung cấp và dấu điểm chỉ trên các giấy vay tiền so với mẫu so sánh là do cùng một người viết ra.

Ông C1 trình bày không biết việc bà N vay tiền của bà C, ông H nhưng số tiền trên bà N vay trong thời gian ông C1, bà N sống chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân; mục đích vay tiền để kinh doanh và phục vụ kinh tế gia đình. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông C1 có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên với số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia Đ2.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên buộc ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Lê Văn Đ, cháu Nguyễn Thị Tuyết M và cháu Nguyễn Văn M1 cùng có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà C, ông H $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại với số tiền 70.000.000 đồng trong phạm vi di sản bà N để lại là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự; nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C1.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C1; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Văn C1 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12), tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 35, 39, 161, 162, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim C, ông Lê Văn H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Buộc ông Nguyễn Văn C1 có nghĩa vụ phải trả cho bà Đặng Kim C, ông Lê Văn H số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Lê Văn Đ, cháu Nguyễn Thị Tuyết M và cháu Nguyễn Văn M1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Kim C, ông Lê Văn H số tiền 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng trong phạm vi di sản bà N để lại.

Ghi nhận bà C, ông H không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chi phí giám định: Ông C1 và những người thừa kế của bà N phải chịu chi phí giám định là 3.120.000 (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng. Cụ thể: Bà C, ông H đã nộp thay nên buộc ông C1 có nghĩa vụ trả lại cho bà C, ông H số tiền 1.560.000 (Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng và buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N gồm: ông C1, bà Đ1, ông Đ, cháu M, cháu M1 phải trả lại cho bà C, ông H số tiền 1.560.000 (Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn) đồng trong phạm vi di sản do bà N để lại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Văn C1 phải chịu 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

3.2. Ông Nguyễn Văn C1, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Lê Văn Đ, cháu Nguyễn Thị Tuyết M, cháu Nguyễn Văn M1 phải chịu 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng trong phạm vi di sản bà N để lại.

3.3. Hoàn trả cho bà Đặng Kim C, ông Lê Văn H số tiền 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000376 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0022978 ngày 08-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5 Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 12, Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đường sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn